

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
KHOA KINH TẾ  
-----\*\*\*\*\*-----

HOÀNG VĂN CÔNG

**CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ Ở VIỆT NAM  
THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ CHÍNH TRỊ

HÀ NỘI – 2005

## Phần mở đầu

### ***1. Tính cấp thiết của đề tài***

B- ớc vào thế kỷ XXI, cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại tiếp tục phát triển với nhịp độ ngày càng nhanh, tạo ra những thành tựu mang tính đột phá, làm thay đổi nhanh chóng, sâu sắc mọi mặt đời sống xã hội loài ng- ời. Kinh tế tri thức có vai trò ngày càng lớn trong quá trình phát triển lực l- ợng sản xuất. Vì vậy, đối với những n- ớc chậm phát triển, muốn tiến kịp những n- ớc phát triển phải nhanh chóng nâng cao năng lực khoa học và trình độ công nghệ, nắm bắt và làm chủ các tri thức mới để rút ngắn quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đi tắt vào kinh tế tri thức.

Sau gần 20 năm đổi mới, n- ớc ta đã giành đ- ợc những thành tựu to lớn và rất quan trọng làm cho thế và lực của đất n- ớc mạnh lên nhiều. Cùng với quá trình phát triển đất n- ớc, khoa học và công nghệ n- ớc ta đã có những b- ớc tiến tích cực, lực l- ợng cán bộ khoa học và công nghệ đã tr- ởng thành một b- ớc và có nhiều cố gắng thích nghi với cơ chế mới, có khả năng tiếp thu, làm chủ đ- ợc tri thức, công nghệ hiện đại trên một số ngành và lĩnh vực kinh tế. Tuy nhiên, đứng tr- ớc bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế, nền khoa học và công nghệ n- ớc ta còn có khoảng cách khá xa so với các n- ớc phát triển, ch- a tạo ra đ- ợc những năng lực khoa học và công nghệ cần thiết để thực sự trở thành nền tảng và động lực cho tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất n- ớc.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định ph- ơng h- ớng phát triển khoa học và công nghệ của n- ớc ta đến năm 2010 là: *“Việc đổi mới công nghệ sẽ h- ớng vào chuyển giao công nghệ, tiếp thu, làm chủ công nghệ mới; đặc biệt lựa chọn những công nghệ cơ bản, có vai trò quyết định đối với nâng cao trình độ công nghệ của nhiều ngành, tạo ra b- ớc nhảy vọt về chất l- ợng và hiệu quả phát triển của nền kinh tế”*.

Chuyển giao công nghệ là một khái niệm mới xuất hiện trong mấy thập niên gần đây, nh- ng đã nhanh chóng trở thành vấn đề thời sự, đ- ợc nhiều nhà nghiên cứu quan tâm, có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển kinh tế trên toàn cầu, đặc biệt là đối với những n- ớc đang tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá nh- Việt Nam. Việc nghiên cứu, hoạch định chính sách, chiến l- ợc làm nh- thế nào để nâng cao hiệu quả trong việc tiếp nhận và ứng dụng công nghệ tiên tiến n- ớc ngoài vào sản xuất trong n- ớc cũng nh- việc triển khai đ- a công nghệ trong n- ớc vào thực tiễn sản xuất ở từng ngành, từng lĩnh vực và từng khâu trong quy trình hoạt động sản xuất đ- ợc coi là khâu then chốt bảo đảm phát triển nhanh và bền vững.

Với những yêu cầu đặt ra cả về lý luận và thực tiễn nh- trên, việc tìm hiểu và nghiên cứu về vấn đề: **“Chuyển giao công nghệ ở Việt Nam - Thực trạng và giải pháp”** là hết sức cần thiết và tôi chọn đó làm đề tài Luận văn tốt nghiệp của mình.

## ***2. Tình hình nghiên cứu***

Chuyển giao công nghệ là một vấn đề đ- ợc nhiều nhà hoạch định chính sách, nhiều cơ quan và các nhà kinh tế trong n- ớc và quốc tế quan tâm. Trong những năm gần đây đã có một số công trình nghiên cứu liên quan đến vấn đề chuyển giao công nghệ, cụ thể nh- :

- Bộ Khoa học và Công nghệ, Trung tâm Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia: *“Khoa học công nghệ thế giới – Xu thế và chính sách những năm đầu thế kỷ XXI”*, Hà Nội, 2003.

- GS.TS. Vũ Đình Cự (chủ biên): *“Khoa học và công nghệ h- ớng tới thế kỷ XXI - Định h- ớng và chính sách”*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.

- TS. Lê Văn Hoan: *“Chuyển giao công nghệ trong nền kinh tế thị tr- ờng vào Việt Nam”*, Nxb Thống kê, Hà Nội, 1995.

- PGS.TS. Đàm Văn Huệ và TS. Nguyễn Đình Quang: *“Lựa chọn công nghệ thích hợp ở các doanh nghiệp công nghiệp Việt Nam”*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.

- TS. Đặng Kim Nhung: “Chuyển giao công nghệ trong kinh tế thị trường và vận dụng vào Việt Nam”, Nxb. Nông nghiệp, 1994.

- TS. Nguyễn Văn Phúc: “Chuyển giao công nghệ và quản lý công nghệ”, Nxb. Khoa học – Kỹ thuật, Hà Nội, 1998.

- TS. Nguyễn Văn Phúc (chủ biên): “Quản lý đổi mới công nghệ”, Nxb. Thống kê, Hà Nội, 2002.

Ngoài ra còn có các bài viết đăng trên các báo, tạp chí.

Các công trình nghiên cứu trên đã đề cập đến nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn quan trọng về chuyển giao công nghệ ở Việt Nam, nh- ng về cơ bản, các giải pháp đ- a ra nhằm thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ ở Việt Nam đ- ọc xem xét trong khuôn khổ tiến trình phát triển khoa học và công nghệ hoặc trong những giải pháp tăng tr- ờng và phát triển kinh tế chung của đất n- ớc. Do mục đích, đối t- ợng, phạm vi và thời điểm nghiên cứu khác nhau, đặc biệt là trong quá trình toàn cầu hoá kinh tế và hội nhập của Việt Nam thì việc nghiên cứu vấn đề chuyển giao công nghệ cả về thực trạng lẫn giải pháp là rất cần thiết.

Chuyển giao công nghệ luôn là một vấn đề mới cả về lý luận và thực tiễn. Đó là một ẩn số cho các quốc gia chậm phát triển tiến kịp tới sự phát triển kinh tế của các quốc gia phát triển khác.

### ***3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu***

**MỤC TIÊU CỦA LUẬN VĂN LÀ ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP NHẪM THỨC ĐẨY HOẠT ĐỘNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ TRONG THỜI GIAN TỐI. ĐỂ THỰC HIỆN Đ- ỌC MỤC TIÊU NÀY, TÁC GIẢ ĐÃ ĐỀ RA NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ TÀI LÀ:**

- Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn chuyển giao công nghệ;
- Đánh giá thực trạng hoạt động chuyển giao công nghệ ở Việt Nam từ năm 1996 đến nay;

- Trên cơ sở các phân tích trên, đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ ở Việt Nam trong thời gian tới.

#### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

\* Đối tượng nghiên cứu: Hoạt động chuyển giao công nghệ ở Việt Nam

\* Phạm vi nghiên cứu:

- *Về thời gian*: Luận văn tập trung nghiên cứu hoạt động chuyển giao công nghệ ở Việt Nam từ năm 1996 đến nay, đây được coi là mốc thời gian mà nhiều chuyên gia đánh giá là mở đầu thời kỳ hoạt động chuyển giao công nghệ có hệ thống.

- *Về không gian*: Chuyển giao công nghệ ở Việt Nam

- *Về nội dung*: Vấn đề đặt ra được đề cập từ hai góc độ: Chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại của nước ngoài vào Việt Nam; chuyển giao công nghệ ngay từ các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ của Việt Nam vào các hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm phát triển kinh tế – xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống xã hội cho nhân dân.

#### **5. Phương pháp nghiên cứu**

Để làm rõ những nội dung cơ bản đã đặt ra của Luận văn, trong quá trình nghiên cứu tác giả sử dụng phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử. Ngoài ra còn sử dụng một số phương pháp: phương pháp kết hợp phân tích với tổng hợp, phương pháp thống kê, so sánh, phân tích dự báo... trong quá trình nghiên cứu.

#### **6. Dự kiến những đóng góp mới của Luận văn**

- Hệ thống hoá một số vấn đề lý luận cơ bản về chuyển giao công nghệ.  
- Phân tích hoạt động chuyển giao công nghệ của một số nước và rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

**- PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG  
CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1996 ĐẾN NAY**

## **ĐỂ TỪ ĐÓ THẤY Đ- ỢC NHỮNG MẶT CÒN TỒN TẠI VÀ HẠN CHẾ TRONG QUÁ TRÌNH CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ TRONG THỜI GIAN QUA.**

### **- Ề XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẪM THỨC ĐẨY HOẠT ĐỘNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ Ở VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN TỚI.**

#### ***7. Kết cấu của Luận văn***

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung chính của Luận văn gồm 3 chương nh- sau:

*Chương 1: Những vấn đề lý luận chung và kinh nghiệm quốc tế về chuyển giao công nghệ*

*Chương 2: Thực trạng hoạt động chuyển giao công nghệ ở Việt Nam trong thời gian qua*

*Chương 3: Quan điểm định hướng và những giải pháp chủ yếu nhằm thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ ở Việt Nam trong thời gian tới*

#### **1.1.1. KH Ị NI ỆM**

##### **1.1.1.1. Công nghệ**

Công nghệ đ- ợc định nghĩa theo nhiều cách khác nhau, dựa trên những căn cứ khác nhau, những cách tiếp cận khác nhau.

Theo nghĩa hẹp ban đầu, công nghệ chỉ dùng trong sản xuất và đ- ợc hiểu là “ph- ơng pháp công nghệ”, tức là *những ph- ơng pháp sản xuất sản phẩm, đ- ợc mô tả qua những quy trình đ- ợc trình bày d- ới các hình thức bản vẽ, sơ đồ, biểu, bảng*. Một khái niệm khác cũng đ- ợc dùng trong mối quan hệ với công nghệ là khái niệm kỹ thuật – bao gồm toàn bộ các ph- ơng tiện kỹ thuật nh- máy móc, thiết bị, dụng cụ sản xuất... phục vụ cho sản xuất. Nh- vậy, khái niệm công nghệ hiểu theo nghĩa hẹp này đ- ợc định nghĩa hoàn toàn độc lập với khái niệm kỹ thuật (theo nghĩa là các ph- ơng tiện kỹ thuật). Tuy rằng các ph- ơng pháp này cũng luôn đ- ợc gắn với những thiết bị, công cụ nhất định, thậm chí có cả những thiết bị đặc tr- ng gắn với từng chuyển giao công nghệ, nh- ng chúng th- ờng không đ- ợc coi là bộ phận hợp

thành của công nghệ. Về sau, khái niệm công nghệ đ- ọc sử dụng trong cả lĩnh vực cung cấp hàng hóa, dịch vụ và gần đây cả trong quản lý.

Cùng với sự phát triển của quá trình chuyển giao công nghệ, khái niệm công nghệ đã đ- ọc mở rộng: *Công nghệ là tập hợp của tất cả các ph- ơng pháp sản xuất, cung cấp sản phẩm và dịch vụ cũng nh- những ph- ơng tiện kỹ thuật cần thiết để thực hiện ph- ơng pháp đó.* Công nghệ không chỉ bị giới hạn trong quá trình sản xuất, mà bao gồm cả những hoạt động nằm ngoài quá trình sản xuất trực tiếp (trong các quá trình chuẩn bị sản xuất và trong phân phối, l- u thông hàng hóa...). Với định nghĩa này, cả hai khái niệm “ công nghệ ” và “kỹ thuật” theo nghĩa hẹp đã đ- ọc liên kết lại với nhau. Ng- ời ta xem ph- ơng pháp và quy trình công nghệ là yếu tố “phần mềm” của công nghệ, còn thiết bị, máy móc và các công cụ sản xuất là “phần cứng” của công nghệ.

Từ sau 1980, đặc biệt từ sau thập kỷ 90, khái niệm công nghệ đ- ọc mở rộng hơn. Nó đ- ọc định nghĩa nh- *tổng thể của các ph- ơng pháp, quy trình, máy móc, thiết bị cần dùng để sản xuất sản phẩm và cung cấp dịch vụ, các kiến thức, hiểu biết, kỹ năng, thông tin cũng nh- các ph- ơng thức tổ chức mà con ng- ời cần áp dụng để sử dụng những ph- ơng pháp, ph- ơng tiện đó.* Theo định nghĩa này, công nghệ đ- ọc chia thành 4 yếu tố: Phần cứng (các ph- ơng tiện kỹ thuật nh- máy móc, thiết bị, công cụ sản xuất...); phần mềm (các ph- ơng pháp, quy trình sản xuất và cung cấp sản phẩm, dịch vụ); phần tổ chức (kết cấu hệ thống sản xuất và quản lý sản xuất, cơ chế vận hành của hệ thống đó); và phần con ng- ời (kể cả các kỹ năng, kỹ xảo, kiến thức, thông tin mà ng- ời lao động và cán bộ quản lý các cấp cần có để sử dụng đ- ọc công nghệ).

Gần đây, một số tác giả còn coi công nghệ phải bao gồm cả năng lực tiềm tàng của tổ chức sản xuất – kinh doanh và dịch vụ trong việc sản xuất và cung cấp sản phẩm/dịch vụ cho xã hội. “ Công nghệ là tổng hợp những năng lực nội tại, cơ sở vật chất, kỹ năng, hiểu biết và tổ chức cần thiết để có thể tạo ra đ- ọc những sản phẩm hoặc dịch vụ có ích cho xã hội ”.

Công nghệ là một khái niệm động, thay đổi cùng với sự phát triển của tiến bộ khoa học – công nghệ, điều kiện kinh doanh và yêu cầu của quản lý. Hiện nó đã bao hàm một nội dung rất rộng và sau này có thể đ- ợc tiếp tục mở rộng.

Công nghệ là một hàng hóa đ- ợc mua bán trên thị tr- ờng công nghệ. Thị tr- ờng công nghệ là nơi diễn ra các hoạt động mua bán, trao đổi công nghệ. Việc mua bán công nghệ thông qua con đ- ờng đầu t- n- ớc ngoài là một trong những kênh phổ biến. Bên cạnh đó còn có những kênh khác nh- tiến hành mua bán trực tiếp giữa các công ty với nhau, hoặc có thể phổ biến công nghệ không thông qua con đ- ờng th- ơng mại. Để cho việc chuyển giao công nghệ đ- ợc hiệu quả cần nắm đ- ợc thuộc tính cơ bản của công nghệ. Các thuộc tính này quy định và ảnh h- ớng trực tiếp tới việc mua, bán, trao đổi và sử dụng công nghệ. Công nghệ có những thuộc tính sau đây:

*Một là*, công nghệ có tính hệ thống: Điều này có nghĩa là không thể đánh giá công nghệ thông qua các thành phần riêng lẻ. Ví nh- mua đ- ợc máy móc hiện đại không có nghĩa là có đ- ợc công nghệ hiện đại để sản xuất sản phẩm mong muốn. Vì thế, các yếu tố cấu thành công nghệ có mối quan hệ hữu cơ và đồng bộ để tạo ra sự gắn kết trong hệ thống. Từng yếu tố cũng không phải là phép tính cộng giản đơn các thành phần của nó mà là các yếu tố cấu thành của hệ thống, với các mối t- ơng quan chặt chẽ về không gian và thời gian, trình tự và điều kiện vận hành. Chỉ khi công nghệ đ- ợc đổi mới, tức là ít nhất có một giải pháp nào đó đ- ợc thay thế bằng một giải pháp tốt hơn, khiến toàn bộ hệ thống trở nên tiến bộ hơn sẽ đ- a tới kết quả cao hơn, thể hiện ở quy mô sản xuất, chất l- ợng sản phẩm và chi phí sản xuất.

*Hai là*, công nghệ có tính sinh thế: Đó là, cũng nh- các hàng hóa khác, công nghệ cũng có tính chu kỳ sống (ra đời, tăng tr- ờng, chiếm lĩnh thị tr- ờng, bão hòa, lỗi thời, tiêu vong) và chịu sự chi phối của ph- ơng án chiến l- ợc sản phẩm truyền thống, nên việc các bên n- ớc ngoài chuyển giao các công nghệ lỗi thời, sắp bị thay thế vào một thị tr- ờng mới (nh- ở Việt Nam) cũng không nằm ngoài quy luật. Tuy nhiên, khác với các hàng hóa khác, công nghệ chỉ có thể tồn tại và phát triển nh- một cơ thể sống, tức là phải đ- ợc cung cấp các yếu tố đầu vào, trong môi tr- ờng thuận lợi, thích nghi và phải đ- ợc bảo d- ỡng, duy trì và hoàn thiện. Không nên



xem công nghệ nh- một sản phẩm “chết” vì nh- vậy nó sẽ trở thành một gánh nặng cho ng- òi sử dụng.

*Ba là*, công nghệ có tính đặc thù về mục tiêu và địa điểm. Thật vậy, tuy công nghệ là một khái niệm rất rộng và đụng chạm đến nhiều khía cạnh kỹ thuật, kinh tế, tổ chức và xã hội, nh- ng nó lại giải quyết các mục tiêu cụ thể. Công nghệ nào thì sản phẩm ấy và mỗi công nghệ cho phép đạt đ- ợc một loại sản phẩm nhất định, với số l- ợng, chất l- ợng và một l- ợng vật t- tiêu hao nhất định. Mặt khác, mỗi công nghệ chỉ thực sự vận hành tốt nếu có một môi tr- ờng thích nghi và thuận lợi. Vì vậy, một công nghệ thực sự phù hợp với quốc gia này lại không phát huy tác dụng ở quốc gia kia, vì khi thay đổi địa điểm thì các yếu tố đầu vào và môi tr- ờng cũng thay đổi. Điều này cho thấy, chuyển giao công nghệ không chỉ đơn giản là dịch chuyển công nghệ từ vị trí địa lý này sang vị trí đại lý khác mà là cả một quá trình cải tiến, sửa đổi, thích nghi hóa cho phù hợp với các điều kiện của môi tr- ờng mới. Từ đặc thù này của công nghệ mà xuất hiện một khái niệm mới đ- ợc nhiều ng- òi nhắc đến là “công nghệ thích hợp”. Đó là sự phù hợp của công nghệ với các mục tiêu kinh tế - xã hội, các điều kiện về lao động, trình độ quản lý, tài nguyên thiên nhiên và hạ tầng kỹ thuật.

*Bốn là*, công nghệ có tính thông tin. Do công nghệ là một hệ thống kiến thức về quy trình và kỹ thuật chế biến vật chất và thông tin nên bản thân công nghệ có tính thông tin. Thông tin là một loại hàng hóa rất đặc biệt, cho nên đánh giá, định giá, xử lý, xác định quyền sở hữu và bảo vệ nó là hết sức phức tạp. Nó đòi hỏi sự can thiệp và bảo hộ không chỉ ở phạm vi quốc gia mà còn cả phạm vi quốc tế.

#### 1.1.1.2. Chuyển giao công nghệ

##### a) Định nghĩa

Chuyển giao công nghệ là loại hoạt động thực tiễn đã xuất hiện từ khá lâu trong lĩnh vực ứng dụng tiến bộ khoa học – công nghệ. Tuy nhiên, chỉ từ những năm 70 của thế kỷ XX trở lại đây việc chuyển giao công nghệ và sử dụng hiệu quả công nghệ đ- ợc chuyển giao mới có ảnh h- ưởng quyết định đến sự thịnh v- ợng, tốc

độ và hiệu quả phát triển kinh tế – xã hội cũng như chất lượng cuộc sống của nhiều nước trên thế giới.

Trước đây, chuyển giao công nghệ xảy ra như là kết quả của các hoạt động nhằm chống chọi với thiên nhiên để sinh tồn, việc khai thác các nguồn lợi từ tự nhiên được tiến hành một cách trực tiếp, rồi phát triển lên thành quy mô giữa các lãnh thổ, các quốc gia và giao lưu với nhau bởi quan hệ chính trị, kinh tế, thương mại, nhưng chuyển giao công nghệ chỉ là các hệ quả của quá trình đó, được thực hiện một cách ngẫu nhiên và không được vật chất, tiền tệ hóa dưới hình thức giao dịch đặc biệt. Ngày nay, chuyển giao công nghệ trở thành một hoạt động có tính quy luật khách quan, công nghệ trở thành một hàng hóa để trao đổi buôn bán, và các hoạt động chuyển giao công nghệ thường được thực hiện với sự tham gia của những chủ thể như: các tổ chức, cơ quan chính phủ hoặc phi chính phủ, doanh nghiệp, những tập thể hoặc cá nhân những nhà khoa học, các tổ chức môi giới, tư vấn...

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tài liệu Tiếng Việt:

- 1- Bộ Khoa học và công nghệ: *Khoa học và công nghệ Việt Nam năm 2001*  
*Khoa học và công nghệ Việt Nam năm 2003*
- 2- Cơ sở khoa học của một số vấn đề trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam đến năm 2010 và tầm nhìn 2020, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
- 3- Nguyễn Đăng Dâu, Nguyễn Xuân Tài: *Quản lý công nghệ*,  
Nxb. Thống kê, Hà Nội, 2002.
- 4- Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*,  
Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.
- 5- TS. Đỗ Đức Định: *Một số vấn đề chiến lược công nghiệp hoá và lý thuyết phát triển*, Nxb.  
Thế giới, Hà Nội, 1999.
- 6- TS. Nguyễn Mạnh Hùng: *Quy hoạch, chiến lược phát triển ngành, chương trình ưu tiên trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam đến năm 2010 và định hướng 2020, và hệ thống văn bản pháp quy hướng dẫn thực hiện*,  
Nxb. Thống kê, Hà Nội, 2004.
- 7- Vũ Quế Hương (Biên dịch): *Quản lý đổi mới và phát triển sản phẩm mới*,

- Nxb. Khoa học – Kỹ thuật, Hà nội, 2001.
- 8- PGS.TS. Nguyễn Thị Hương (chủ biên): *Quản trị dự án và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài – FDI*, Tập I, II, Nxb. Thống kê, Hà Nội, 2002.
- 9- *Luật Dân sự – Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam*,  
Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.
- 10- *Luật Khoa học – Công nghệ*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.
- 11- E.Wayne Nafziger: *Kinh tế học của các nước đang phát triển*,  
Nxb Thống kê, 1998.
- 12- *Nghị định của Chính phủ số 45/1998/NĐ- CP – Quy định chi tiết về chuyển giao công nghệ.*
- 13- *Niên giám thống kê năm 2000, 2001, 2002, 2003*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, năm 2001, 2002, 2003, 2004.
- 14- Hoàng Đình Phú: *Lịch sử kỹ thuật và cách mạng công nghệ đương đại*,  
Nxb. Khoa học – Kỹ thuật, Hà Nội, 1997.
- 15- Trần Thanh Phương: *Tác động và những hệ quả kinh tế – xã hội của cách mạng khoa học công nghệ mới đối với sự phát triển trước ngưỡng cửa năm 2000.*  
Phần I. Trung tâm Thông tin tư liệu và công nghệ quốc gia, Hà Nội -1994
- 16- TS. Danh Sơn: *Quan hệ giữa phát triển khoa học-công nghệ với phát triển kinh tế-xã hội trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam*,  
Nxb. Khoa học-Xã hội, Hà Nội, 1999.
- 17- Bùi Tất Thắng (chủ biên): *Các nhân tố ảnh hưởng tới chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trong thời kỳ công nghiệp hoá ở Việt Nam*,  
Nxb. Khoa học - Xã hội, 1997.
- 18- Tập thể tác giả: *Dự báo thế kỷ 21*, Nxb. Thống kê, Hà Nội, 2000.
- 19- GS.TS. Trần Văn Thọ: *Công nghiệp hoá Việt Nam trong thời đại Châu Á - Thái Bình Dương*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1997.
- 20- GS.TS. Nguyễn Văn Thường (chủ biên): *Tăng trưởng kinh tế Việt Nam – Những rào cản cần phải vượt qua*, Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội, 2005.
- 21- PGS.TS. Trần Văn Tùng (chủ biên): *Chất lượng tăng trưởng nhìn từ Đông Á*,  
Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2003.
- 22- PGS.TS. Trần Văn Tùng (chủ biên): *Cạnh tranh kinh tế*,  
Nxb. Thế giới, Hà Nội - 2003.

23- Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ quốc gia, Ban Nghiên cứu dự báo, Chiến lược và Quản lý khoa học: *Phác thảo chiến lược phát triển khoa học và công nghệ Việt Nam đến năm 2010*,

Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004.

24- Trường Nghiệp vụ quản lý: “*Quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và môi trường*”, Nxb. Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội, 2000.

25- *Tư duy lại tương lai*, Nxb Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2002.

26- *Từ điển Bách khoa Việt Nam*. Hà Nội – 1995.

27- Ủy ban kinh tế xã hội Châu Á - Thái Bình Dương (ESCAP): *Hỏi đáp về chuyển giao công nghệ nước ngoài, đàm phán và thực hiện hợp đồng*.

Nxb. Khoa học – Kỹ thuật, Hà Nội, 1995.

28- Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương, Dự án VIE 01/025: *Hội nhập kinh tế - Áp lực cạnh tranh trên thị trường và đối sách của một số nước*,

Nxb. Giao thông - Vận tải, Hà Nội - 2003.

29- Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương, Dự án VIE 01/025: *Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia*, Nxb. Giao thông- Vận tải, Hà Nội- 2003.

### **Tài liệu Tiếng Anh:**

1- F. Betz: *Strategic technology management*. Mcgraw – Hill international Editions – 1996.

2- Philip Epple: *Technology transfer from SMEs to developing countries*,

P.Lang – Europaischer Verlag der Wissenschaften. Frankfurt am Main – 1996.

3- Rohland Fleck: *Increasing incentives for technology: The weaknesses, prospect and project in European*, Nxb Wiesbaden, 1996.

4- Christopher Freeman: *Industrial policy and economic potential – Japan’s experience*, Nxb. Pinter, London – 1997.

5- K.W. Grewlich: *Châu Âu trong cuộc chạy đua công nghệ toàn cầu: Thị trường quốc tế trở thành thị trường nội địa*, Nxb Bertelsmann, Berlin – 1992.

6- Riedel, James (1999), “Economic Development in East Asia: Doing What Comes naturally”, in Helen Hughes, *Achieving Industrialization in East Asia*, UK: Cambridge University Press, pp.1-38.

7- Tarek M. Khalil: *Management of Technology: The Key to Competitiveness and Wealth Creation*, Mc Graw – Hill Higher Education. International Editions 2000.

8- *Từ điển khoa học, công nghệ và môi trường của Australia*,

Nxb. Thoms Nelson – 1999.

9- C. Wang: *Management of Technology*. Hanoi - 1998

10- Shoichi Yamashita: Chuyển giao công nghệ và quản lý của Nhật Bản sang các nước ASEAN, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội – 1994.

**Các trang Web:**

+ [HTTP://WWW.BEA.DOC.GOV.](http://www.bea.doc.gov)

+ [HTTP://WWW.MOET.EDU.VN](http://www.moet.edu.vn)

+ [HTTP://WWW.OECD.ORG.](http://www.oecd.org)

+ [HTTP://WWW.UNDP.ORG.](http://www.undp.org)

+ [HTTP://WWW.WORLDBANK.ORG.](http://www.worldbank.org)